

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 01 - 2019
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trí

Ông Nguyễn Hoàng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tôn Thị Kim D, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp BC, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Địa chỉ cư trú: Ấp LB, xã LĐA, huyện CM, tỉnh AG.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: Ấp BC, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Tôn Thị Kim D, anh Nguyễn Quốc H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Tôn Thị Kim D trình bày:

Chị Tôn Thị Kim D và anh Nguyễn Quốc H kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT ngày 14 tháng 9 năm 2015. Trước khi kết hôn, chị D và anh H có tìm hiểu và yêu nhau hơn một năm.

Trong thời gian chị D có thai thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, do anh H hay nhậu, đi chơi với bạn bè, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Đến tháng 9 năm 2017, chị về nhà cha mẹ ruột tại ấp LB, xã LĐA, huyện CM, tỉnh AG sinh sống và ly thân với anh H cho đến nay. Hiện nay, chị D không còn tình cảm với anh H nên không thể tiếp tục chung sống với anh H.

Nay chị Tôn Thị Kim D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

Về con chung: Chị D và anh H có một người con chung tên Nguyễn Tôn Quốc T, sinh ngày 27/5/2016. Hiện nay cháu T đang sống với chị D tại ấp LB, xã LĐA, huyện CM, tỉnh AG.

Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tôn Quốc T, sinh ngày 27/5/2016 và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, mỗi tháng là 1/2 mức lương cơ sở của Nhà nước đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị D và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Quốc H có ý kiến trình bày:

Anh Nguyễn Quốc H thống nhất, chị Tôn Thị Kim D và anh Nguyễn Quốc H kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp ngày 14 tháng 9 năm 2015. Trước khi kết hôn, chị D và anh H có tìm hiểu và yêu nhau hơn một năm.

Nguyên nhân anh và chị D mâu thuẫn là do trước đây anh và chị D mỗi người làm một công việc khác nhau, vợ chồng làm xa, hay cãi nhau những chuyện vặt, giữa anh và chị D không có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Hiện nay, anh H vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị D nên chị D vẫn giữ yêu cầu ly hôn nên anh H đồng ý ly hôn.

Nay anh Nguyễn Quốc H đồng ý ly hôn với chị Tôn Thị Kim D.

Về con chung: Anh H thống nhất, chị D và anh H có một người con chung tên Nguyễn Tôn Quốc T, sinh ngày 27/5/2016. Hiện nay cháu T đang sống với chị D tại ấp LB, xã LĐA, huyện CM, tỉnh AG.

Sau khi ly hôn, anh H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu T đến khi cháu T đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị D được quyền nuôi dưỡng cháu T thì anh H thống nhất cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị D, mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật, mỗi tháng 1/2 mức lương cơ sở của Nhà nước đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh H và chị D tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng minh nhân dân của chị Tôn Thị Kim D (bản sao đối chiếu).
- Sổ hộ khẩu của chị Tôn Thị Kim D (bản sao).
- Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Nguyễn Quốc H và chị Tôn Thị Kim D (bản chính).
- Trích lục khai sinh của Nguyễn Tôn Quốc T (bản sao).
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (bản chính).
- Bản khai ngày 13/12/2018 của chị D (bản chính).
- Bản khai ngày 25/12/2018 (bản chính).
- Bảng sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 01/4/2018 đến ngày 21/9/2018 của chị Tôn Thị Kim D (bản chính).
- Đơn xin xác nhận mức lương ngày 29/12/2018 (bản chính).
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH09104 ngày 26/6/2017 ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH09103 ngày 26/6/2017, do UBND huyện Thanh Bình cấp cho anh Nguyễn Quốc H (bản photo).
- Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/12/2018 (bản chính).

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tôn Thị Kim D với anh Nguyễn Quốc H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tôn Quốc T, sinh ngày 27/5/2016 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Quốc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở Nhà nước quy định đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Chị D và anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị D và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Tôn Thị Kim D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc H. Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Tôn Quốc T, sinh ngày 27/5/2016 và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, mỗi tháng là 1/2 mức lương cơ sở của Nhà nước đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Do đó, đây là vụ án hôn nhân và gia đình “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Quốc H cư trú tại ấp BC, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Tôn Thị Kim D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

Xét thấy, chị D và anh H ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay, từ khi ly thân đến nay chị D và anh H không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Hôn nhân phải được xây dựng và tồn tại trên cơ sở sự thương yêu giữa vợ chồng, nH hiện nay chị D xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, mặc dù anh H vẫn còn tình cảm, thương yêu chị D. Khoảng thời gian sống ly thân giữa chị D và anh H có hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau nhưng không thành. Cho nên, hôn nhân giữa chị D và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tôn Thị Kim D đối với anh Nguyễn Quốc H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tôn Quốc T, sinh ngày 27/5/2016 và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, mỗi tháng là 1/2 mức lương cơ sở của Nhà nước đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Xét thấy, từ khi chị D và anh H ly thân cho đến nay cháu T sống với chị D, mặc khác cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi, cần có sự chăm sóc chu đáo của người mẹ. Ngoài ra, chị D có việc làm ổn định có thể đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung, nên giao cháu T cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Quốc H là yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Tôn Quốc T, sinh ngày 27/5/2016, cũng như phần nhận định trên yêu cầu của anh Nguyễn Quốc T là không có căn cứ chấp nhận.

Chị D yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, mỗi tháng 1/2 mức lương cơ sở của Nhà nước đến khi cháu T đủ 18 tuổi, anh H thống nhất cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị D, mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật, mỗi tháng 1/2 mức lương cơ sở của Nhà nước, nên ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi

con của anh H là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa chị D và anh H xác định về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí:

Chị D phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tôn Thị Kim D.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tôn Thị Kim D đối với anh Nguyễn Quốc H.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Tôn Quốc T, sinh ngày 27/5/2016 cho chị Tôn Thị Kim D nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định đến khi cháu T đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Chị D và anh H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị D và anh H tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

- Về án phí:

Chị Tôn Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số BH/2017/0004477 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị D đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Quốc H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Bình Thành;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên